

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31- 3- 2022
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC- TỈNH HÒA BÌNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Bùi Thị Liên**, Cán bộ Hưu trí.

2. Ông **Trần Văn Đồng**, Chuyên viên phòng TNMT huyện Tân Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Nhạn** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2021 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HN&GD, ngày 17/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Linh C**, sinh năm 1991.

ĐKNKTT và cư trú : Khu T, thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn : Anh **Lưu Văn T**, sinh năm 1990.

ĐKNKTT và cư trú : Khu T, thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Hồng P**

ĐKNKTT và cư trú : Khu T, thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 01/7/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị Linh C trình bày:

Chị và anh Lưu Văn T, sau quá trình tự do tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn và về chung sống với nhau, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M (Nay là thị trấn M), huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 21/5/2019. Sau kết hôn, do hai gia đình ở sát nhau vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà chồng cũng tại xóm Đ, xã M (Nay là khu T, thị trấn M), huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc trong khoảng 2-3 tháng đầu hôn nhân, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị C cho rằng trong cuộc sống vợ chồng anh T thiếu tôn trọng chị và gia đình chị; thiếu quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con: Thường xuyên chửi bới, lăng mạ, xúc phạm chị; không những anh T mà khi nghe anh T chửi chị không biết đúng sai gì mẹ anh T cũng hòa vào

chửi bới, lăng nhục, xúc phạm chị; Mọi công việc anh T tự ý quyết định, không hỏi ý kiến chị, khi chị tham gia thì xúc phạm cho rằng chị không biết gì; khi chị mang thai cũng không quan tâm, hỏi han hay chăm sóc khiến chị suy nghĩ nhiều dẫn đến trầm cảm. Chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không hề có hành động nào chuyển biến; sau nhiều lần khuyên giải không được, chị cố gắng nín nhịn chịu đựng hy vọng khi có con anh T sẽ thay đổi. Tuy nhiên khi sinh con thiếu tháng cả hai mẹ con đều không khỏe, con thì phải nằm lồng chăm sóc, mẹ bị sản không ăn uống được lại còn phải điều trị trầm cảm; Khi con xuất viện mẹ vẫn phải điều trị, thiếu và ít sữa không đủ cho con bú phải nuôi bộ; khi chị xuất viện về nhà anh T bế con đi chỗ khác không cho mẹ con gặp nhau, cấm chị chăm sóc con, chị bế con thì cấm không cho bế đi sang nhà ngoại; anh T và mẹ anh T cố tình gây sức ép khiến chị bị huyết áp cao không chăm sóc được cho con. Vì hai nhà ở sát nhau, anh T và mẹ anh T bế con vào nhà bác ở không cho mẹ con gặp và không cho chị chăm con. Tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống vợ chồng không còn sự gắn kết. Chị luôn phải sống trong ức chế nhưng vẫn cố nhẫn nhịn chịu đựng vì bản thân, vì con cái và vì gia đình. Tuy nhiên sự chịu đựng của chị đã quá giới hạn. Tự xác định thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nữa, không còn cơ hội để vợ chồng đoàn tụ để có một gia đình hạnh phúc; để đảm bảo cho tương lai của bản thân và con chị làm đơn yêu cầu xin được ly hôn anh T để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Có 01 con là Lưu Trường A, sinh ngày 02/9/2020 . Khi ly hôn chị C xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và yêu cầu anh T đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu A trưởng thành. Anh T và bà nội được quyền thăm nom, chăm sóc con, cháu chung mà không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Khi kết hôn, chị Lê Thị Linh C được bố mẹ và người thân tặng cho số nữ trang làm của hồi môn là 13 chỉ vàng 9999; Quá trình hôn nhân, anh Lưu Văn T có mua cho chị 01 xe máy LEDS và 01 máy tính xách tay cá nhân để chị đi làm và mua 01 xe Fods Range. Toàn bộ số tài sản này anh T đang giữ và quản lý. Chị C đề nghị: Số vàng do gia đình chị cho riêng chị, anh T phải trả cho chị; Các tài sản khác là xe ô tô, xe mô tô và máy tính xách tay, đề nghị chia theo pháp luật.

- Công nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ .

Vì phía bị đơn anh Lưu Văn T đã được triệu tập ra tòa làm việc, cho viết bản tự khai; mở phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh T cho rằng: Việc kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng đúng như chị C trình bày. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do chị C hay có bài viết, đăng và bình luận không đúng về gia đình anh trên trang Facebook khiến anh và gia đình rất bức xúc và đã góp ý nhiều lần và chị C đã từ bỏ việc đăng công khai trên. Tuy nhiên đến khi chị C đi sinh con ở bệnh viện phụ sản Trung ương về thì lại tái diễn việc trên. Anh có nói thì chị C phản ứng và bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh yêu cầu về thì không về và bỏ

con đẻ anh và mẹ anh chăm sóc, không quan tâm đoái hoài đến con từ đó đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị C xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Đúng như chị C trình bày: Có 01 con là Lưu Trường A, sinh ngày 02/9/2020. Khi ly hôn vì chị C đã bỏ con, không đoái hoài từ khi sinh cháu nên anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu chị C phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có vàng của chị Lê Thị Linh C được bố mẹ và người thân tặng cho làm của hồi môn nhưng chỉ có 09 chỉ vàng 9999; Quá trình hôn nhân, anh có vay tiền mua 01 xe máy LEDS, 01 máy tính xách tay cá nhân và mua 01 xe Fods Ranger. Số vàng và xe máy cũng như máy tính cá nhân anh đã bán và chi tiêu hết và không còn tài sản chung. Đối với chiếc xe bán tải Fods Ranger do bản thân anh vay mượn và tự làm ra để mua với giá 480.000.000đ (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*), chị C không có đóng góp công sức gì nên anh không đồng ý chia.

- Công nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết về sau, anh T không hợp tác, không đến Tòa giải quyết, không cung cấp chứng cứ về tài sản chung, hay riêng cũng như việc vay mượn như thế nào. Để giải quyết vụ án, chị C đã có đơn đề nghị không cần tổ chức phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như hòa giải nữa mà đề nghị thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì chị Lê Thị Linh C vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh Lưu Văn T cố tình trốn tránh, không hợp tác nên Tòa đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ về tài sản và tiến hành thẩm định, định giá. Sau khi có kết quả, Tòa đã tổng đạt giấy báo cũng như ra quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T nhưng anh T không chịu ký nhận; Gửi qua mẹ anh T nhưng mẹ anh T cũng không chịu nhận và ký nhận nên Tòa đã phải lập biên bản về việc anh T và mẹ anh đã biết về thời gian địa điểm Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đến ngày xét xử, anh Lưu Văn T vẫn không có mặt và không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn theo quy định của Pháp luật.

Đến phiên tòa lần thứ hai. Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc cũng đã tiến hành tổng đạt giấy báo cũng như quyết định hoãn phiên tòa đã ấn định ngày xử tiếp theo và tổng đạt cho anh Lưu Văn T: Đến ngày xét xử, anh Lưu Văn T có mặt muộn và đưa ra quan điểm: Về quan hệ hôn nhân thì anh và cô C không còn tình cảm vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C để giải phóng cho nhau. Về con chung: Có 01 con là Lưu Trường A, sinh ngày 02/9/2020. Khi ly hôn vì chị C đã bỏ con, không đoái hoài từ khi sinh cháu, anh và mẹ anh đã phải vất vả nuôi bộ cháu hơn một năm nay nên anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu chị C phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Có vàng của chị Lê Thị Linh C được bố mẹ và người thân tặng cho làm của hồi môn nhưng chỉ có 09 chỉ vàng 9999; Quá trình hôn nhân, anh có vay tiền mua 01 xe máy LEDS, 01 máy tính xách tay cá nhân và mua 01 xe Fods Ranger. Số vàng và xe máy cũng như máy tính cá nhân anh đã bán và chi tiêu hết và không còn tài sản chung. Đối với chiếc xe bán tải Fods Ranger do bản thân anh vay mượn và tự làm ra để mua với giá 480.000.000đ (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*), chị C

không có đóng góp công sức gì nên anh không đồng ý chia. Công nợ chung: Không có. Chỉ có nợ riêng của anh khi vay mua chiếc Fods Ranger giá mua là 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) nhưng anh đã phải vay của nhà K N 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Sau một năm anh lại phải vay của anh Nguyễn Hồng P 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) để thêm vào trả cho nhà K N 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng)

Như vậy: Số tiền anh Lưu Văn Toàn đã tự bỏ ra mua xe là 80.000.000đ + 150.000.000đ = 230.000.000đ. Tiền mua xe còn nợ lại của anh Nguyễn Hồng P 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Đồng thời với lời khai, anh T có xuất trình 02 giấy biên nhận vay tiền của nhà K N và của anh Nguyễn Hồng P. Để xem xét thấu đáo các chứng cứ mới do đương sự xuất trình và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để điều tra, làm rõ các chứng cứ mới.

Tòa đã lấy lời khai của ông Nguyễn Đức K và bà Lưu Thị N: Ông K bà N cung cấp “Bà N là dì ruột của anh Lưu Văn T. Khi anh T mua xe có vay của ông bà 400.000.000 đ là đúng và sau một năm đã trả nên ông bà không liên quan gì nữa. Sau này, anh T có vay Nguyễn Hồng P là con ông bà và cùng làm ăn với T nhưng vay bao nhiêu ông bà không biết”. Tòa cũng đã triệu tập anh Nguyễn Hồng P lên lấy lời khai, làm rõ việc vay và cũng giao cả giấy triệu tập phiên tòa cho Nguyễn Hồng P. Ông K bà N hứa giao cho P nhưng đến ngày lấy lời khai, Nguyễn Hồng P không đến. Đến phiên tòa Nguyễn Hồng P cũng không có mặt không có lý do. Như vậy, anh Nguyễn Hồng P với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã từ chối khai báo và từ chối quyền và nghĩa vụ tại phiên tòa. Như vậy không thể chấp nhận chứng cứ do Lưu Văn T đưa ra.

Tại phiên Tòa hôm nay, Lưu Văn T lại không có mặt không có lý do mặc dù cũng đã nhận được quyết định ngừng phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. Việc Lưu Văn T cố tình không hợp tác, không đến phiên tòa là đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn, chị Lê Thị Linh C vẫn giữ nguyên quan điểm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng: Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định. Tuy nhiên anh Lưu Văn T vẫn cố tình trốn tránh, anh đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bản thân nên theo điều 227, 228 bộ luật tố tụng dân sự Tòa vẫn xét xử vắng mặt anh Lưu Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị C là phù hợp với tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị C và anh T là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và xử cho chị C được ly hôn anh T. Về con chung cần áp dụng quy định tại các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo đúng pháp luật. Hiện cháu Lưu Trường A, sinh ngày 02/9/2020 còn rất nhỏ, rất cần hơi ấm và sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên

giáo cháu Lưu Trường A, sinh ngày 02/9/2020 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết xác định có vàng 9999 nhưng chị C khai là 13 chỉ, anh T chỉ thừa nhận có 09 chỉ nên chỉ có căn cứ xác định theo lời khai nhận của anh T. Mặc dù anh cho là đã bán và chi tiêu hết nhưng đây là vốn bố mẹ chị C cho riêng con gái, anh Toàn tự bán chi tiêu phải có trách nhiệm bồi hoàn trả chị C là có căn cứ. Trị giá theo định giá là 46.890.000đ. Chiếc xe HONDA LEAD trị giá 21.300.000đ và ô tô trị giá 416.000.000đ. Công nợ chung: Đương sự xác định không có nên không đề cập giải quyết. Về trách nhiệm nộp án phí: Cần áp dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Về kiến nghị: Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử quá thời hạn 15 ngày. Yêu cầu rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là chị Lê Thị Linh C và bị đơn anh Lưu Văn T, cùng trú tại xóm T, xã M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình nên chị C khởi kiện vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật TT Dân sự.

- Anh Lưu Văn T dù được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không chịu đến Tòa giải quyết; anh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt dù Tòa đã làm đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử vắng mặt anh Lưu Văn T là phù hợp.

Về kiến nghị của Viện Kiểm sát cho rằng Tòa giải quyết vụ án quá hạn 15 ngày so với quy định. Thấy: Việc thụ lý và giải quyết vụ án trong đúng giai đoạn cả nước nói chung và cả huyện Tân Lạc nói riêng đang gồng mình chống đại dịch Covid-19. Phải nghỉ giãn cách và thực hiện việc cách ly phòng chống dịch bệnh. Cán bộ, công chức không được đến cơ quan làm việc, vụ án lại rất phức tạp, bị đơn không chịu hợp tác làm việc nhiều lần và Tòa phải thu thập chứng cứ từ những nguồn khác mặc dù đã gia hạn theo quy định và đã cố gắng hết mức nhưng vẫn phải muộn có 15 ngày. Tuy nhiên Viện kiểm sát vẫn kiến nghị rút kinh nghiệm là có phần khiên cưỡng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Linh C và anh Lưu Văn T kết hôn với nhau ngày 21/5/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do anh T thiếu tôn trọng chị C và gia đình chị, thiếu trách nhiệm với vợ con. Khi chị và gia đình góp ý lại không chuyển biến khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Áp lực trong quá trình mang thai khiến cả chị C và con thương tổn. Sau sinh con, mâu thuẫn vợ

chồng không được giải quyết mà còn bị đẩy lên cao khiến chị C phải đi viện điều trị và con chị không được nuôi bằng sữa mẹ. Chị C ở viện về muốn nuôi con, anh T và gia đình anh không cho, vợ chồng và cả hai bên gia đình đều cố giành giật cháu bé và nói xấu, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo theo mâu thuẫn giữa hai bên gia đình thông gia khiến cả hai đều không có cơ hội và không muốn quay về đoàn tụ. Đến nay, tự xác định thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, để đảm bảo cho tương lai chị C có yêu cầu xin được ly hôn anh T.

Xét hôn nhân giữa chị Lê Thị Linh C và anh Lưu Văn T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ bình thường được khoảng thời gian đầu thì đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa không thể hòa hợp, anh T đã không có giải pháp gì để chị C tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn.

Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và sự đồng ý của bị đơn nhưng vì bị đơn cố tình trốn tránh nên không thể công nhận thỏa thuận mà phải xử cho chị Lê Thị Linh C được ly hôn anh Lưu Văn T là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Chị Lê Thị Linh C và anh Lưu Văn T có 01 con là Lưu Trường A, sinh ngày 02/9/2020. Trong quá trình giải quyết, chị Lê Thị Linh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con và yêu cầu anh T đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu A trưởng thành. Tuy nhiên tại phiên Tòa chị C đưa ra đề nghị: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được nuôi con song về việc cấp dưỡng chị xin rút yêu cầu: Chị chưa yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của đương sự, nên chấp nhận sự tự nguyện này là có cơ sở.

Xét anh Lưu Văn T mặc dù đã giành việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A từ khi mới sinh; Tòa cũng đã giải thích quyền của cha mẹ với con cái nhưng anh Lưu Văn T không hợp tác và đã từ bỏ quyền của mình không đến Tòa để thể hiện quan điểm của mình nên cần giao con Lưu Trường A, sinh ngày 02/9/2020 cho chị Lê Thị Linh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Linh C chưa yêu cầu anh Lưu Văn T đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung

[4]Về tài sản chung: Khi kết hôn, chị Lê Thị Linh C được bố mẹ và người thân tặng cho sổ nữ trang làm của hồi môn là 13 chỉ vàng 9999; Quá trình hôn nhân, anh Lưu Văn T có mua cho chị 01 xe máy và 01 máy tính xách tay cá nhân để chị đi làm và mua 01 xe FODS Range trị giá 480.000.000đ. Toàn bộ số tài sản này anh T đang giữ và quản lý.

Xét: Phần vàng 9999 bố mẹ chị C cho trong quá trình tổ chức hôn lễ và tự đeo vào người cho chị C. Đây là vốn riêng của gia đình người thân cho riêng chị giặt lung làm vốn. Theo tập quán, đây là vốn cho người phụ nữ làm của phòng thân. Dù khi gia đình người thân cho chị làm vốn riêng và chị có đưa cho anh T cất giữ nhưng chị C chưa có tuyên bố nào nhập tài sản này làm tài sản chung và khi chị đi bệnh viện điều trị vắng nhà anh T tự động lấy vàng bán đi. Bán ở đâu, được bao nhiêu tiền và dùng vào việc gì chị C không hề biết. Tại phiên tòa ông Lê văn Q và bà Bùi Thị Ph, bố mẹ chị C xác định rõ đây là khoản cho riêng chị C làm vốn, khoản cho anh T ông, bà cũng đã trao riêng cho anh T. Bởi thế, phải xác định: Số vàng này do gia đình chị C cho riêng chị, anh T tự bán và chi tiêu phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị và chỉ có căn cứ xác định là 09 chỉ vàng 9999 theo anh T xác định; Trị giá theo định giá là 46.890.000đ.

Với chiếc xe LEDS anh T mua tặng cho chị C và chị C khai trước Tòa là có đóng góp để anh T mua xe là 10.500.000đ đăng ký xe mang tên chị C. Như vậy: Đây là tài sản đã tặng cho và hợp đồng tặng cho đã hoàn thành. Chị C đã nhận tài sản và sử dụng. Tuy nhiên, khi chị đi bệnh viện điều trị vắng nhà anh T tự động lấy xe bán đi. Bán ở đâu, được bao nhiêu tiền và dùng vào việc gì chị C không hề biết. Bởi thế, phải xác định: Chiếc xe LEDS này do là tài sản của riêng chị, anh T tự bán và chi tiêu phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị; Chiếc xe HONDA LEAD trị giá theo định giá là 21.300.000đ

Đối với chiếc máy tính xách tay, dù chị C đề nghị chia theo pháp luật nhưng chưa có cơ sở chứng minh nên không có căn cứ chia.

Đối với chiếc xe ô tô hiệu FODS Range do anh T tự mua, chị C thừa nhận có đóng góp bằng tiền ăn tiêu sinh hoạt phí hàng ngày để anh T tiết kiệm có tiền mua xe; chị cũng thừa nhận chị không có đóng góp khoản nào bằng tiền mặt cho anh T mua xe và nguồn tiền mua xe có từ đâu chị không biết mà chỉ cho rằng đó là tiền anh T làm ra. Vì thế chỉ có thể xác định chị có công sức đóng góp vào chiếc xe này và chia cho chị được hưởng phần nào giá trị xe với khoảng 1/3 giá trị xe là có căn cứ. Giá trị xe theo định giá là 416.000.000đ : 3 = 139.000.000 đ. Đây là giá trị được hưởng của chị C. Tổng các khoản chị C được hưởng gồm:

$$139.000.000 \text{ đ} + 21.300.000\text{đ} + 46.890.000\text{đ} = 207.190.000\text{đ}$$

Đây là khoản tiền anh Lưu Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả chị Lê Thị Linh C.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Tòa án không đề cập giải quyết. Bị đơn cho rằng chỉ có nợ riêng nhưng cả anh Toàn và chủ nợ đều không chứng minh được: Ông K bà N xác định cho T vay để làm ăn còn T lại xác định cho vay mua xe; Còn Nguyễn Đức P từ chối quyền của mình, mặt khác giữa bên vay và cho vay lại có họ hàng gần gũi nên không có căn cứ chấp nhận có khoản nợ này.

[5]Về án phí: Chị Lê Thị Linh C tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chị C cũng tự nguyện chịu 8.000.000 đ lệ phí thẩm định, định giá đã chi không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên ghi nhận là

có cơ sở. Với án phí dân sự, các bên phải chịu theo tỷ phần được chia và theo quy định của pháp luật.

Cụ thể : Chị C phải chịu: $207.190.000 \text{ đ} \times 5\% = 10.300.000 \text{ đ}$.

Anh T phải chịu : $(416.000.000 \text{ đ} - 139.000.000 \text{ đ}) : \times 5\% = 13.850.000 \text{ đ}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 59 điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Linh C được ly hôn với anh Lưu Văn T

Về con chung : Giao con Lưu Trường A, sinh ngày 02/9/2020 cho chị Lê Thị Linh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Linh C chưa yêu cầu anh Lưu Văn T đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lưu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung ; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Giao cho anh Lưu Văn T sở hữu chiếc xe Fodr Rangev Biên kiểm soát 28C xxx.xx.

Anh Lưu Văn T có trách nhiệm thanh toán trả cho chị Lê Thị Linh C 207.190.000 đ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các điều 6,7, 7A, 7B và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành hợp pháp, nếu chưa thực hiện thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng số tiền và thời gian chậm trả.

Công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Lê Thị Linh C tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; Đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0005093 ngày 01/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, nay được đối trừ và không phải nộp thêm. Ghi nhận chị Lê Thị Linh C tự nguyện chịu số tiền đã ứng và đã chi cho Hội đồng thẩm định tại chỗ và Hội đồng Định giá là 8.000.000đ. Chị Lê Thị Linh C phải chịu 10.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005093 ngày 01/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, nay được đối trừ và được hoàn trả 160.000đ.;

Anh Lưu Văn T phải chịu 13.850.000đ. án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THA huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn M-Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng